

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LAI CHÂU
TỈNH LAI CHÂU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 20-7-2023

V/v tranh chấp “Ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LAI CHÂU, TỈNH LAI CHÂU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Nga

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lý Chí Sung

2. Bà Hà Thị Liên

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Lệ Quyên - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lai Châu tham gia phiên tòa: Bà Đồng Thị Xuân, Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 08/2022/TLST- HNGĐ ngày 13/10/2022 về việc tranh chấp “Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2023/QĐXX-ST ngày 23/6/2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Hoàng L, sinh năm 1977

Địa chỉ: Số nhà 051, đường T, tổ 27, phường Đ, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu (có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Giàng A L, sinh năm 1973

Địa chỉ: Số nhà 051, đường T, tổ 27, phường Đ, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện về việc ly hôn và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thị Hoàng L trình bày:

Chị và anh Giàng A L kết hôn ngày 02/11/2004 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Phong Thổ, huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu (nay là Ủy ban nhân dân phường Đoàn Kết, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu), anh chị kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Quá trình chung sống vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau và có lần anh L còn đánh chị. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình cùng người thân hòa giải nhưng không có kết quả. Nay chị L nhận thấy tình cảm giữa chị và anh L không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Giàng A L.

Về con chung: Chị và anh Giàng A L có 02 con chung, cháu Giàng Phương T, sinh ngày 11/03/2005 và cháu Giàng Phúc L, sinh ngày 16/11/2010. Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục hai con chung cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Về cấp dưỡng nuôi con chung chị yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu 3.000.000 đồng/01 tháng đến khi các con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Chị và anh Giàng A L tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bị đơn anh Giàng A L trình bày:*

Anh và chị Trần Thị Hoàng L kết hôn ngày 02/11/2004 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Phong Thổ, huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu (nay là Ủy ban nhân dân phường Đoàn Kết, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu), anh chị kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Quá trình chung sống anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chị L có quan hệ với người đàn ông khác và thường xuyên không có nhà, từ đó vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nhưng anh không nhất trí ly hôn mà muốn vợ chồng về đoàn tụ để nuôi dạy các cháu.

Về con chung: Anh và chị Trần Thị Hoàng L có 02 con chung, cháu Giàng Phương T, sinh ngày 11/03/2005 và cháu Giàng Phúc L, sinh ngày 16/11/2010. Nếu phải ly hôn anh muốn được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục hai con chung cho đến khi các con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Về cấp dưỡng nuôi con chung anh L không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Anh và chị Trần Thị Hoàng L tự thỏa thuận về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Trong quá trình giải quyết vụ án, lời khai của hai cháu Giàng Phương T và cháu Giàng Phúc L có khai: Bố mẹ cháu hay cãi nhau và bố cháu có đánh mẹ cháu và nguyện vọng của hai cháu là được ở với mẹ, vì mẹ quan tâm, chăm sóc hơn bố, bố thường xuyên đi uống rượu và thường xuyên vắng nhà.*

* Kết quả xác minh tại nơi cư trú của chị Trần Thị Hoàng L và anh Giàng A L thể hiện: Anh L và chị L trước đây có xảy ra to tiếng với nhau, nhưng thời gian gần đây không thấy có vấn đề gì xảy ra.

* Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lai Châu có ý kiến về thủ tục tố tụng như sau: Quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về nhiệm vụ quyền hạn của Thẩm phán được phân công, tiến hành thụ lý vụ án đúng trình tự, thủ tục và gửi thông báo thụ lý vụ án đúng thời hạn quy định; xác định đúng tư cách tố tụng của đương sự; thu thập chứng cứ khách quan, công khai; ra quyết định xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn luật định; việc cấp, tổng đạt văn bản tố tụng đảm bảo. Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về nhiệm vụ, quyền hạn được phân công. Hội đồng xét xử đã xét xử vụ án đúng nguyên tắc, thành phần. Nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Bị đơn anh Giàng A L vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 08/02/2023 và ngày 26/6/2023 là chưa tuân thủ đúng quy định tại Điều 70,72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, 273, 483 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, Điều 107, 110, 116, 117 Luật hôn nhân & gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27, điểm a, đ khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho chị Trần Thị Hoàng L được ly hôn anh Giàng A L.

Về con chung: Giao con chung cháu Giàng Phúc L, sinh ngày 16/11/2010 cho chị Trần Thị Hoàng L là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung cho đến khi chung thành niên (đủ 18 tuổi). Còn đối với con chung cháu Giàng Phương T, sinh ngày 11/03/2005, tính đến ngày xét xử đã trưởng thành trên 18 tuổi, có khả năng lao động, nên không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Giàng A L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi chung cháu Giàng Phúc L, sinh ngày 16/11/2010 với số tiền 3.000.000 đồng/01 tháng cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Về án phí: Chị Trần Thị Hoàng L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Anh Giàng A L phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Đề nghị ghi nhận và giải thích về quyền yêu cầu thi hành án dân sự, quyền kháng cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án tranh chấp Hôn nhân và gia đình giữa nguyên đơn chị Trần Thị Hoàng L và bị đơn anh Giàng A L có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ 27, phường Đ, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Lai Châu.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ngày 02/11/2004 chị Trần Thị Hoàng L kết hôn với anh Giàng A L, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Phong Thổ, huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu (nay là Ủy ban nhân dân phường Đoàn Kết, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu), anh chị kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa hai anh chị là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống anh chị xảy ra mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, dẫn tới vợ chồng có xảy ra to tiếng với nhau. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa anh L đều thừa nhận trong cuộc sống vợ chồng anh chị có xảy ra mâu thuẫn nhưng anh không đồng ý ly hôn mà muốn vợ chồng về đoàn tụ để nuôi dạy các cháu. Căn cứ vào kết quả xác minh của Tòa án ngày 28/02/2023 tại địa phương cho thấy: Giữa anh L và chị L là có xảy ra mâu thuẫn to tiếng với nhau, hơn nữa lời khai của hai cháu Giàng Phương T và cháu Giàng Phúc L đều thể hiện anh L và chị L có xảy ra đánh cãi nhau. Như vậy thể hiện tình trạng hôn nhân giữa chị L và anh L đã L vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị L xin ly hôn anh Giàng A L.

[3] Về con chung: Chị Trần Thị Hoàng L và anh Giàng A L có 02 con chung cháu Giàng Phương T, sinh ngày 11/03/2005 và cháu Giàng Phúc L, sinh ngày 16/11/2010. Khi ly hôn chị L có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục hai con chung cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi); Anh L cũng có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục hai con chung cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Tuy nhiên việc giao con chung cho ai nuôi cần phải xem xét mọi mặt và đảm bảo quyền lợi cũng như nguyện vọng của con chưa thành niên. Xét thấy chị L có việc làm và thu nhập ổn định 12.000.000 đồng /01 tháng đảm bảo để thực hiện việc chăm sóc nuôi dưỡng con chung. Hơn nữa cháu Giàng Phúc L có nguyện vọng được ở với mẹ. Xét anh L cũng có việc

làm và thu nhập ổn định 22.382.800.000 đồng/01 tháng. Tuy nhiên cháu Giàng Phúc L có nguyện vọng được ở với mẹ với lý do mẹ quan tâm, chăm sóc hơn bố, bố thường xuyên đi uống rượu và thường xuyên vắng nhà. Do đó Hội đồng xét xử cần chấp nhận nguyện vọng của chị L về việc nuôi con chung. Vì vậy cần giao cho chị Trần Thị Hoàng L là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung cháu Giàng Phúc L, sinh ngày 16/11/2010 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi) theo quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Còn đối với con chung cháu Giàng Phương T, sinh ngày 11/03/2005, tính đến ngày xét xử đã trưởng thành trên 18 tuổi, có khả năng lao động, nên không xem xét giải quyết.

* Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Trần Thị Hoàng L yêu cầu anh Giàng A L cấp dưỡng nuôi hai con chung cháu Giàng Phương T, sinh ngày 11/03/2005 và cháu Giàng Phúc L, sinh ngày 16/11/2010, mỗi cháu 3.000.000 đồng/01 tháng đến khi hai cháu thành niên (đủ 18 tuổi). Xét thấy, đối với cháu Giàng Phương T, tính đến ngày xét xử cháu Giàng Phương T đã trưởng thành trên 18 tuổi, có khả năng lao động, nên không xem xét giải quyết. Còn đối với cháu Giàng Phúc L, sinh ngày 16/11/2010, xét thấy mức cấp dưỡng 3.000.000 đồng/01 tháng là phù hợp với thu nhập thực tế của anh Giàng A L và đảm bảo nhu cầu thiết yếu của cháu L. Do đó, anh Giàng A L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Giàng Phúc L với số tiền 3.000.000 đồng/01 tháng cho đến khi con chung thành niên đủ 18 tuổi, theo quy định tại Điều 107, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Thời điểm cấp dưỡng vào ngày 15 hàng tháng, kể từ khi án có hiệu lực pháp luật.

[4] Về tài sản chung: Chị Trần Thị Hoàng L và anh Giàng A L tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Trần Thị Hoàng L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Anh Giàng A L phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con, theo quy định tại điểm a, đ khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lai Châu là có căn cứ cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, 273, 483 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, Điều 107, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân & gia đình

năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27, điểm a, đ khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị Hoàng L.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trần Thị Hoàng L được ly hôn anh Giàng A L.

[2] Việc nuôi con: Giao cho chị Trần Thị Hoàng L là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung cháu Giàng Phúc L, sinh ngày 16/11/2010 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Giàng A L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cháu Giàng Phúc L, sinh ngày 16/11/2010 với số tiền là 3.000.000 đồng/01 tháng, cho đến khi cháu Giàng Phúc L thành niên (đủ 18 tuổi). Thời điểm cấp dưỡng vào ngày 15 hàng tháng, kể từ khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực và chị Trần Thị Hoàng L có đơn đề nghị thi hành án khoản tiền cấp dưỡng nuôi con chung mà anh Giàng A L chưa thi hành xong khoản tiền phải thi hành thì anh Giàng A L còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm trả.

[3] Về tài sản: Chị Trần Thị Hoàng L và anh Giàng A L tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Trần Thị Hoàng L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2021/0001349 ngày 13/10/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu. Chị Trần Thị Hoàng L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm. Anh Giàng A L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND tỉnh Lai Châu;
- VKSND TP. Lai Châu;
- Chi cục THADS TP.Lai Châu;
- UBND phường Đoàn Kết, TP Lai Châu;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Nga

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Nga

